TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 547/2017/DS-ST Ngày: 30-8-2017 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Bá Hợp

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Thư ký phiên tòa án: Bà Nguyễn Thị Tuyến- Cán bộ Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Bá Nghĩa- Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 179/2017/TLST-DS ngày 12/5/2017, về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 7 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 1734/2017/QĐST-DS ngày 07/8/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP X

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phát H- sinh nằm: 1976 (có mặt); địa chỉ: Tòa nhà Y, Phường Z, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy ủy quyền số 65/UQ-HCM.TH ngày 19/4/2017

2. Bị đơn: Ông Trần Khải B- sinh năm: 1970 (vắng mặt); địa chỉ: A Đường số 1, Phường Y, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2017 và lời khai tại Tòa án đại diện theo

ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến:

Ngày 02/12/2013, Ngân hàng TMCP X (*viết tắt là Ngân hàng*) đã phát hành thẻ tín dụng Master số 0712895 loại thẻ cá nhân tín chấp cho ông Trần Khải B (*viết tắt là bị đơn)* với tổng hạn mức là 30 triệu đồng, hiệu lực đến tháng 12/2015, thời hạn sử dụng thẻ gia hạn đến ngày 30/01/2019, Ngân hàng đã phát hành thẻ cho bị đơn ngày 02/12/2013. Bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo cam kết đến ngày 11/5/2016 bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Mặc dù, ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn cố tình không thanh toán nợ. Do vậy, ngày 28/4/2017 Ngân hàng đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2017 đến Tòa án nhân dân quận Gò Vấp yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh tạm tính đến hết ngày 17/7/2017 là 25.591.153 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 18/7/2017 cho đến ngày ông Trần Khải B trả dứt nợ theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 02/12/2013.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa (Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập đương sự) cho bị đơn theo thủ tục niêm yết công khai tại địa chỉ 146 A đường số 1, Phường 4, quận Gò Vấp do Ngân hàng cung cấp nhưng bị đơn không đến Tòa và không có văn bản trình bày ý kiến trước các yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 26.622.092 đồng, bao gồm: Tiền nợ gốc 16.980.797 đồng, tiền lãi 3.743.626 đồng và tiền phí phạt 5.897.669 đồng từ ngày 11/5/2016 đến ngày 30/8/2017 (ngày xét xử sơ thẩm) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 31/8/2017 cho đến ngày bị đơn trả dứt nợ theo lãi suất quá theo lãi suất được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 02/12/2013.

Tiền lãi được tính như sau:

* Số tiền lãi = Số tiền gốc x số ngày x lãi suất được quy định theo từng thời kỳ.

* Số tiền phí phạt chậm thanh toán= 3% x số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ trước chưa thanh toán, số tiền phí phạt tối thiểu hàng tháng là: 50.000 đồng.

* Từ ngày 01/08/2015 đến ngày 02/04/2017: lãi suất 17%/năm.

* Từ ngày 03/04/2017 đến nay: lãi suất 18%/năm.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa vào lúc 08 giờ ngày 07/8/2017 và ngày 30/8/2017 nhưng bị đơn không đến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm xác định:

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền- nghĩa vụ của mình; bị đơn không chấp hành việc triệu tập giải quyết của Tòa án.

- Về nội dung vụ án, ngày 02/12/2013 Ngân hàng và bị đơn có ký hợp đồng sử dụng tín dụng Master số 0712895, hạn mức 30 triệu đồng. Quá trình sử dụng thẻ, đến tháng 5/2016 bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả nợ là có cơ sở. Căn cứ Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng 2011 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc bị đơn thanh toán một lần số tiền 26.622.092 đồng, bao gồm tiền nợ gốc 16.980.797 đồng, nợ lãi 3.743.626 đồng và phí 5.897.669 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về pháp luật tố tụng dân sự:*

+ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản (hợp đồng tín dụng), do bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, căn cứ quy định Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2 nhưng bị đơn vắng mặt

không lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về yêu cầu và trách nhiệm của các đương sự:*

Theo kết quả trả lời xác minh ngày 02/6/2017 của Ban chỉ huy công an Phường Y, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: "*Ông Trần Khải B không còn ngụ tại 146 A đường số 1, Phường Y, quận Gò Vấp do đã bán nhà đi đâu không rõ*". Căn cứ quy định tại điểm đ Khoản 4 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì địa chỉ A Đường số 1, Phường Y, quận Gò Vấp được xác định là địa chỉ bị đơn từng cư trú gần nhất tính đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện và thể hiện nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng giấy triệu tập bị đơn đến Tòa án nhưng bị đơn không đến, không cung cấp tài liệu chứng cứ và không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án.

Căn cứ Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng Quốc tế tại Ngân hàng mã số khách hàng 681219 ngày 01/12/2013 của bị đơn có xác nhận của Ngân hàng ngày 02/12/2013 và Giấy xác nhận phát thẻ tín dụng ngày 01/12/2013 do nguyên đơn cung cấp có đủ cơ sở xác định bị đơn đã mở thẻ tín dụng Master số 0712895 loại thẻ cá nhân tín chấp tại Ngân hàng với hạn mức là 30 triệu đồng, hiệu lực đến tháng 12/2015, thời hạn sử dụng thẻ gia hạn đến ngày 30/01/2019 bị đơn đồng ý cho nguyên đơn ghi nợ tài khoản cá nhân tại Ngân hàng để thanh toán toàn bộ số dư nợ thẻ tín dụng. Đối chiếu với quy định tại các Điều 401, Điều 402, Điều 405 Bộ luật dân sự năm 2005 (nay là Điều 116, 117, 118 Bộ luật dân sự năm 2015) thì giao dịch dân sự giữa các bên là hợp pháp và phát sinh hiệu lực thi hành.

Xét hiệu lực thực hiện giao dịch giữa các bên đến tháng 12/2015, các bên gia hạn sử dụng thẻ đến hết ngày 30/01/2019; tuy nhiên căn cứ hồ sơ tài liệu do nguyên đơn cung cấp không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bị đơn đã trả hết nợ gốc và lãi mặc dù nguyên đơn đã ra nhiều thông báo nhắc nợ gửi bị đơn bằng hình thức báo phát và thư điện tử (mail) thể hiện từ ngày 11/5/2016 đến ngày 15/8/2016 bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền 17.890.895 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định bị đơn đã

không thực hiện đúng cam kết thanh toán và trả nợ mà các bên đã thỏa thuận tại điểm 4.2 Điều 4 của Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng. Theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự quy định: "*Nghĩa vụ trả tiền phải thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận".* Như vậy, từ thời điểm tháng 5/2016 bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày 19/4/2017 nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết là phù hợp với quy định tại Điều 154 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lãi: Theo Điều 5 và Điều 10 của Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng Quốc tế ngày 02/12/2013 đã ký kết thể hiện các bên có thỏa thuận về các loại phí (*trong đó phí chậm thanh toán là 3 % trị giá thanh toán tối thiểu chưa thanh toán. Tối thiểu 50.000 đồng*) và lãi suất cho vay (*thay đổi theo thông báo của ngân hàng ghi trong sao kê*). Tranh chấp hợp đồng tín dụng là loại hợp đồng dân sự đặc thù, được điều chỉnh bởi Luật các tổ chức tín dụng và văn bản pháp luật hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất"* và tại Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định: "*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng"*. Theo Điều 280 Bộ luật dân sự quy định: "*Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc trừ trường hợp có thỏa thuận khác*" và Khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự quy định: "*trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*". Đối chiếu các quy định của pháp luật nêu trên việc thỏa thuận lãi giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Vì vậy, đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp

tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Do vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi 3.743.626 đồng và tiền phí phạt 5.897.669 từ tháng ngày 11/5/2016 đến ngày 30/8/2017 (ngày xét xử sơ thẩm) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 31/8/2017 cho đến ngày bị đơn trả dứt nợ theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng Quốc tế ngày 02/12/2013 là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những chứng cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 26.622.092 (Hai mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi hai ngàn không trăm chín mươi hai) đồng (bao gồm: 16.980.797 đồng tiền nợ gốc, 3.743.626 đồng tiền lãi và 5.897.669 đồng tiền phí phạt) và tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 31/8/2017 cho đến khi trả hết nợ theo thỏa thuận trong Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng Quốc tế ngày 02/12/2013.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 48, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 154, Điều 274, Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 357, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự.

Áp dụng án lệ số 08/2016/AL *về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm* đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP X

Buộc ông Trần Khải B phải trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền 26.622.092 (Hai mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi hai ngàn không trăm chín mươi hai) đồng (bao gồm: 6.980.797 đồng tiền nợ gốc, 3.743.626 đồng tiền lãi và 5.897.669 đồng tiền phí phạt) tính đến ngày 30/8/2017 và khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng Quốc tế ngày 02/12/2013 kể từ ngày 31/8/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp trong Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng Quốc tế ngày 02/12/2013, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Trần Khải B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Trần Khải B phải nộp 1.331.105 đồng tiền án phí sơ thẩm tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại số tiền tạm ứng án phí 568.182 đồng cho Ngân hàng TMCP X đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0018470 ngày 18/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Quyền và thời hạn kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng

mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Minh Phượng